TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN L** **TỈNH V**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:10/2021/HNGĐ-ST
Ngày 05 tháng 02 năm 2021
V/v: "Tranh chấp ly hôn, con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L, TỈNH V

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Minh Hiệp

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Trung Thành

2. Bà Trần Thị Kim Khuyên.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Hoàng Quốc Khánh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh V.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tham gia phiên tòa: Ông Ngô Trường Út- Kiểm sát viên

Ngày 05 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh V xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 272/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp "ly hôn, nuôi con chung" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 272/2021/QĐXX-ST ngày 08 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Cao Thị H, sinh năm 1991, có mặt.

Nơi cư trú: Thôn T, xã V, huyện L, tỉnh V.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1986, vắng mặt.

Nơi đăng ký HKTT: Thôn T, xã V, huyện L, tỉnh V.

Hiện đang chấp hành án tại Trại giam Vĩnh Quang- Cục C10- Bộ công an.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 09 tháng 11 năm 2020 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là chị Cao Thị H trình bày:

Chị kết hôn với anh Nguyễn Văn L ngày 28 tháng 02 năm 2010, trước khi kết hôn vợ chồng có được tự do tìm hiểu, hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện L, tỉnh V. Kết hôn xong, chị về chung sống cùng gia đình anh Luyến tại thôn T, xã V. Quá trình vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh L thường xuyên chơi bời, không quan tâm gì đến gia đình, anh L bị nghiện ma túy từ năm 2017 làm ảnh hưởng đến kinh tế gia đình, chị đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh L không thay đổi. Sau đó, đến tháng 5/2020 anh L vi phạm pháp luật nên phải đi chấp hành hình phạt tù tại Trại giam Vĩnh Quang.

Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên chị xin được ly hôn anh L.

Về con chung: Vợ chồng chị có 03 con chung là cháu Nguyễn Thu H, sinh ngày 13/7/2010, cháu Nguyễn Cao Gia B, sinh ngày 24/7/2012 và cháu Nguyễn Cao Gia L, sinh ngày 28/9/2018, hiện cả 03 cháu đang ở cùng chị. Ly hôn, chị xin được nuôi cả 03 cháu và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nơ, công sức: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn L vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong biên bản lấy lời khai ngày 11/12/2020 và biên bản hòa giải ngày 11/12/2020 anh Luyến trình bày:

Anh xác định về điều kiện kết hôn, thời gian kết hôn và quá trình vợ chồng chung sống như chị H trình bày là đúng. Theo anh L, quá trình chung sống vợ chồng anh không xảy ra mâu thuẫn gì, không cãi chửi nhau bao giờ. Tháng 5/2020, anh có vi phạm pháp luật và bị Tòa án nhân dân huyện S xử phạt 30 tháng tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy". Anh L xác định anh nghiện ma túy từ năm 2018. Từ khi anh đi chấp hành hình phạt tù, chị H vẫn thăm hỏi, động viên. Nay chị H xin ly hôn, anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh không đồng ý ly hôn, anh xin đoàn tụ.

Về con chung: anh xác định như chị H trình bày là đúng. Nếu ly hôn anh xin anh xin được nuôi cả 03 con và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Do hiện nay anh chấp hành hình phạt tù nên anh để gia đình anh nuôi hộ.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L phát biểu về việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

Ý kiến của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án: Có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, căn cứ Điều 51; 56; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình, cho chị Hồng được ly hôn anh Luyến và nên giao cả 03 con chung cho chị H nuôi dưỡng, vì hiện tại anh L đang phải chấp hành án không có điều kiện để chăm nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Cao Thị H xin ly hôn anh Nguyễn Văn L trú tại thôn T, xã V, huyện L, tỉnh V nên căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh V.

Tại phiên tòa, anh L là bị đơn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về nội dung vụ án:

2.1 Quan hệ hôn nhân: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị Cao Thị H và anh Nguyễn Văn L đều thể hiện: Ngày 28 tháng 02 năm 2010 anh chị được gia đình tổ chức kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện L trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc. Do đó quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh L là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng có có những xảy ra mâu thuẫn bất đồng, theo chị H là do anh L hay chơi bời, không quan tâm gì đến gia đình, anh L còn bị nghiện ma túy và vi phạm pháp luật phải đi chấp hành hình phạt tù. Còn anh L cho rằng vợ chồng anh chị không xảy ra mâu thuẫn gì trong quá trình chung sống, nhưng anh L cũng thừa nhận mình bị nghiện ma túy từ năm 2018 đến nay. Nay chị H xin ly hôn, anh L xin đoàn tụ, xét yêu cầu của các bên Hội đồng xét xử thấy rằng: Mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, trong cuộc sống vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Anh L xin đoàn tụ nhưng anh đang nghiện ma túy, phải đi chấp hành án, dẫn đến tình cảm vợ chồng xa cách, một mình chị H phải lo liệu cuộc sống gia đình. Như vậy, việc anh muốn đoàn tụ nhằm kéo dài cuộc hôn nhân không có hạnh phúc. Nên yêu cầu của chị H xin ly hôn anh L là có căn cứ được chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

2.2 Về con chung: Vợ chồng xác nhận có 03 con chung là cháu Nguyễn Thu H, sinh ngày 13/7/2020, cháu Nguyễn Cao Gia B, sinh ngày 24/7/2012 và cháu Nguyễn Cao Gia L, sinh ngày 28/9/2018, hiện cả 03 cháu đang ở cùng chị. Ly hôn, chị H xin được nuôi dưỡng cả 03 con chung và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi

con, còn anh L cũng xin được nuôi dưỡng cả 03 con và cũng không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Xét đề nghị của các bên Hội đồng xét xử thấy rằng: Nguyện vọng của chị H xin được nuôi cả 03 con là chính đáng, bởi cả 03 cháu Nguyễn Thu H, Nguyễn Cao Gia B và Nguyễn Cao Gia L còn nhỏ, rất cần sự chăm sóc của người mẹ, hiện cả 03 cháu đang ở ổn định cùng chị, chị H có công việc thu nhập ổn định. Còn anh L là người nghiện ma túy, hiện còn đang chấp hành án, không có khả năng chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu. Để đảm bảo quyền lợi cho các cháu, cần giao 03 con cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Chị H tự nguyện không yêu cầu, đề nghị anh L cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện nên được chấp nhận.

2.3. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Xử chấp nhận đơn xin ly hôn của chị H, cho chị Cao Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn L.

2. Xử về con chung: Giao cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng các cháu Nguyễn Thu H, sinh ngày 13/7/2020, cháu Nguyễn Cao Gia B, sinh ngày 24/7/2012 và cháu Nguyễn Cao Gia L, sinh ngày 28/9/2018. Anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H. Sau khi ly hôn, anh L có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về án phí: Chị Cao Thị H phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số: AA/2017/ 0007915 ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L. Chị H đã nộp đủ án phí.

Trong thời hạn 15 ngày kể tử ngày tuyên án, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ

ngày giao nhận bản án hoặc niêm yết tại UBND nơi cư trú của người vắng mặt để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh V xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
-VKSND huyện L;
- THADS huyện L;
- UBND xã V;
- Đương sự;
- Lưu Hồ sơ, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đã ký và đóng dấu

Ngô Thị Minh Hiệp